

Số: /QĐ-UBND

Cao Lộc, ngày tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm,  
huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm đầu 2021 của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND huyện Cao Lộc về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo*

Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030 tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HDND xã Bảo Lâm ngày 27/12/2022 về việc thông qua đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030. Tỷ lệ 1/10000;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 32/BC-KT&HT ngày 10/01/2023:

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000 với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên đề án, phạm vi ranh giới, quy mô lập đề án quy hoạch chung xây dựng**

**a. Tên đề án:** Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000.

**b. Phạm vi:**

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có ranh giới hành chính như sau:

- + Phía Bắc giáp đường biên giới Việt - Trung.
- + Phía Nam giáp xã Thạch Đạn và xã Thụy Hùng.
- + Phía Đông giáp xã Thanh Lò.
- + Phía Tây giáp đường biên giới Việt - Trung và thị trấn Đồng Đăng.

- Quy mô lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm gồm toàn bộ diện tích trong đơn vị hành chính của xã: 4.058,6 ha.

**2. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch, giai đoạn quy hoạch**

**2.1. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch**

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Việc lập đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới, mục tiêu đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định của Chính phủ.
  - Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ, xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.
  - Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước...); xây dựng, cải tạo công trình; chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.
  - Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.
  - Xây dựng Quy định quản lý theo đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ

quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

2.2. Giai đoạn quy hoạch: 2021-2030

- Giai đoạn 1: 2021-2025;

- Giai đoạn 2: 2025-2030.

### 3. Quy mô dân số, các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu quy hoạch

#### 3.1. Quy mô dân số, lao động:

Dân số đến năm 2030: 6.200 người.

#### 3.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu quy hoạch đến năm 2030:

TT	Công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật	Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
1	Trụ sở xã	- Diện tích đất $\geq 1.000 \text{ m}^2$ - Diện tích sử dụng: $\leq 500 \text{ m}^2$
2	Nhà ở dân cư	- Diện tích $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$
3	Nhà văn hóa xã	- Diện tích đất: $\geq 1000 \text{ m}^2$
4	Nhà văn hóa thôn	- Diện tích đất $\geq 500 \text{ m}^2$
5	Trường mầm non	- Diện tích đất tối thiểu: $\geq 12 \text{ m}^2/\text{cháu}$
6	Trường tiểu học	- Diện tích đất tối thiểu: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{hs}$
7	Trường trung học cơ sở	- Diện tích đất tối thiểu: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{hs}$
8	Trạm y tế	- Diện tích đất: $\geq 500 \text{ m}^2$ - Có vườn thuốc $\geq 1.000 \text{ m}^2$
9	Cụm công trình, sân bãi thể thao	-5 000 $\text{m}^2/\text{cụm}$
10	Chợ	- Quy mô diện tích $\geq 1.500\text{m}^2/ \text{chợ} /\text{xã}$
11	Bưu điện văn hóa xã	- Diện tích đất: $\geq 150 \text{ m}^2/\text{Công trình}$
12	Bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh	Khoảng cách ATMT $\geq 1.000\text{m}$
13	Cây xanh công cộng	Chỉ tiêu đất tối thiểu: $2 \text{ m}^2/\text{người}$
14	Đường từ huyện xuống xã, đường liên xã, đường từ xã đến thôn xóm; liên thôn, bản	- Chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới: $\geq 2,5\text{m}/\text{làn xe}$ - Chiều rộng lề gia cố: $\geq 1,0\text{m}$
15	Đường nối điểm dân cư thôn, bản	Mặt đường: $\geq 4\text{m}$
16	Cấp nước sinh hoạt	Chỉ tiêu cấp nước: $\geq 60 \text{ lít}/\text{người}/ \text{ngày đêm}$
17	Thoát nước thải sinh hoạt	Có hệ thống thoát nước thu gom được tối thiểu 90% lượng nước cấp
18	Cấp điện	- Chỉ tiêu cấp điện sinh tối thiểu là 200 KWh/người/năm

### 4. Quy hoạch sử dụng đất

Định hướng quy hoạch sử dụng đất của xã Bảo Lâm đến năm 2030 như sau:

	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>A</b>	<b>DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>	<b>4.058,60</b>	<b>100,00</b>
<b>I</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>	<b>3.457,73</b>	<b>85,20</b>
<b>1.1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>330,96</b>	<b>8,15</b>
	<i>Đất trồng lúa</i>	<i>185,46</i>	<i>4,57</i>
	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>	<i>145,50</i>	<i>3,58</i>
<b>1.2</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>3.085,49</b>	<b>76,02</b>
	<i>Đất rừng sản xuất</i>	<i>2.248,66</i>	<i>55,40</i>
	<i>Đất rừng phòng hộ</i>	<i>836,83</i>	<i>20,62</i>
<b>1.3</b>	<b>Đất nông nghiệp khác</b>	<b>41,28</b>	<b>1,02</b>
<b>II</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG</b>	<b>567,45</b>	<b>13,98</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>196,67</b>	<b>4,85</b>
	<i>Đất ở dân cư nông thôn</i>	<i>117,87</i>	<i>2,90</i>
	<i>Đất ở mới</i>	<i>78,80</i>	<i>1,94</i>
<b>2.3</b>	<b>Đất công cộng</b>	<b>70,76</b>	<b>1,74</b>
<b>2.4</b>	<b>Đất cây xanh, thể dục thể thao</b>	<b>16,26</b>	<b>0,40</b>
<b>2.5</b>	<b>Đất công nghiệp</b>		
<b>2.6</b>	<b>Đất xây dựng các chức năng khác</b>	<b>172,46</b>	<b>4,25</b>
<b>2.7</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng, di tích</b>	<b>0,37</b>	<b>0,01</b>
<b>2.8</b>	<b>Đất quốc phòng, an ninh</b>	<b>12,20</b>	
<b>2.8</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>98,73</b>	<b>2,43</b>
	<i>Đất xử lý CTR</i>	<i>3,90</i>	<i>0,10</i>
	<i>Đất nghĩa trang</i>	<i>5,24</i>	<i>0,13</i>
	<i>Đất giao thông, HTKT khác (trạm xử lý nước thải, bãi xe....)</i>	<i>89,59</i>	<i>2,21</i>
<b>III</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>	<b>33,42</b>	<b>0,82</b>
<b>3.1</b>	<b>Đất dự trữ phát triển</b>	<b>8,07</b>	<b>0,20</b>
<b>3.2</b>	<b>Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng</b>	<b>25,35</b>	<b>0,62</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.058,60</b>	<b>100,00</b>

## 5. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

### 5.1. Định hướng về cấu trúc phát triển không gian toàn xã

Cấu trúc không gian toàn xã bao gồm:

- Khu vực cửa khẩu phụ Pò Nhùng phát triển mô hình kinh tế cửa khẩu.
- Khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp: Phát triển trên cơ sở các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung hiện nay.
- Khu vực xây dựng phát triển mới: Đầu tư xây dựng hệ thống công trình công

cộng, thể dục thể thao cấp xã, phát triển các khu dân cư mới.

- Khu vực nhà ở dân cư nông thôn hiện hữu: Chính trang đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình công cộng cấp thôn.

- Khu vực công tình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật và phục vụ sản xuất.

### **5.2. Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư**

a. Định hướng tổ chức dân cư mới

- Tổ chức mạng lưới điểm dân cư

+ Phát triển các điểm dân cư tập trung, hạn chế phát triển các điểm dân cư hai bên ĐT235,ĐH20.

+ Thôn xóm ven các sườn đồi được bố trí thành các dải và lớp.

- Công trình công cộng trong điểm dân cư tập trung gồm có: trường học, nhà văn hóa cụm dân cư kết hợp với điểm bưu điện, truy cập internet. Nhà văn hóa xây dựng kiên cố, nền cao tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.

b. Định hướng cải tạo dân cư cũ

Các khu dân cư cũ rải rác trên khắp các sườn đồi, ven đường giao thông tập trung hạn chế phát triển ảnh hưởng hành lang an toàn giao thông. Cải tạo, nâng cấp các hệ thống cống, đường ống gần khu vực dân cư đảm bảo an toàn thoát nước về mùa lũ.

### **5.3. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, hạ tầng xã hội**

a. Công trình công cộng khu trung tâm xã quy hoạch mới tại thôn Còn Kéo:

+ UBND xã, trung tâm văn hóa cấp xã.

+ Sân vận động thể dục thể thao cấp xã;

+ Trụ sở công an xã;

+ Chợ trung tâm cấp xã;

+ Trường THCS quy hoạch mới;

+ Trường TH quy hoạch mới;

b. Công trình công cộng khu ở:

+ Bố trí tại các khu dân cư tập trung tại vị trí thuận tiện gần trục đường giao thông chính.

+ Xây dựng, cải tạo các công trình công cộng cấp khu ở tại các thôn...

## **6. Quy hoạch sản xuất**

### **6.1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp**

- Vùng sản xuất lúa: phân bố trên toàn xã thành các vùng trồng lúa. Phát triển hệ thống kênh mương tưới tiêu khu vực trồng lúa tại thôn trên địa bàn xã.

- Vùng sản xuất phát triển Hồng hiện tại trồng 7/7 thôn trong xã tập trung chủ yếu thôn Cốc Toòng và Nà Pàn với quy mô diện tích khoảng 19,5ha. Quy hoạch định hướng tuyên truyền mở rộng với quy mô khoảng 30-40ha.

- Vùng sản xuất phát triển Hồi tại các 7/7 thôn hiện tại diện tích khoảng

230ha. Quy hoạch định hướng mở rộng với quy mô khoảng 300-400ha.

- Vùng cây ăn quả khác : phát triển tại thôn dựa trên nền khu vực đã có sẵn.

Tuy nhiên quá trình đô thị hóa cần diện tích các loại đất nông nghiệp bị thu hẹp cần chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp dịch vụ phù hợp với từng giai đoạn kinh tế địa phương.

## **6.2. Quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ**

+ Quy hoạch quỹ đất bến bãi, kho tàng, cung ứng vận tải đi liền với các công trình dịch vụ, kiểm soát liên hợp tại khu vực cửa khẩu Pò Nhùng quy mô dự kiến khoảng 120ha.

+ Quy hoạch mở rộng quỹ đất bến bãi tiếp giáp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị quy mô khoảng 164ha.

## **7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **7.1. Quy hoạch giao thông**

#### **a. Giao thông đối ngoại**

- Đường tỉnh 235: là trục giao thông đối ngoại chính kết nối xã với các khu vực lân cận cũng như nối sang biên giới với Trung Quốc định hướng quy hoạch mặt cắt ngang mở rộng 17,0m-29,00m. Quy mô mở rộng mặt cắt tuyến đường phụ thuộc vào điều kiện thực tế phát triển địa phương.

- Đường huyện 20: là trục giao thông đối ngoại kết nối xã Bảo Lâm với xã Thạch Đạn về phía Đông Nam, định hướng quy hoạch mặt cắt ngang mở rộng 17,5m-24,00m. Quy mô mở rộng mặt cắt tuyến đường phụ thuộc vào điều kiện thực tế phát triển địa phương.

#### **b. Giao thông khu vực**

- Đường giao thông liên bản (trục xã), liên xã được thiết kế đạt tiêu chuẩn đường GTNT (Chiều rộng phần xe chạy dành cho xe cơ giới:  $\geq 3,5\text{m}$ /làn xe, chiều rộng và lề gia cố:  $\geq 1,5\text{m}$ , chiều rộng mặt cắt ngang đường:  $\geq 6,5\text{m}$ )

+ Mở rộng thành 3,5m-7,5m bề rộng lòng đường, rải nhựa hoặc bê tông hóa.

+ Gia cố cầu cống các đoạn có đường chạy qua đảm bảo khơi thông dòng chảy tránh úng ngập vào mùa mưa lũ.

+ Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đủ bên đường đảm bảo yêu cầu cho giao thông an toàn ngày đêm.

- Đường liên thôn : rộng 3-7,5m kết cấu bê tông.

- Đường sản xuất : gia cố bờ đất tránh sạt lở vào mùa mưa, nâng cao hiệu quả sản xuất của nhân dân.

### **7.2. Quy hoạch san nền**

- Tận dụng quỹ đất bằng, nghèo hữu cơ để phát triển xây dựng.

- Sử dụng giải pháp san cục bộ, tạo mặt bằng công trình, tránh đào đắp tập trung, giữ ổn định nền khu vực xây mới.

- Tại các sườn đồi dốc cần san giạt cấp, xây dựng các ta luy, tường chắn giữ

ổn định nền, tránh sạt lở, mái ta luy m ( $1,0 \div 1/5$ ) tùy theo cấp đất.

### **7.3. Quy hoạch thoát nước mưa**

- Lựa chọn hệ thống thoát nước mưa: hệ thống thoát nước mưa được thoát chung với hệ thống nước thải sinh hoạt.

+ Thiết kế cống thu các khu vực thoát có cao độ nền thấp hơn đường (các tuyến đặt cống theo cao độ đường giao thông).

- Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa thoát ra suối, hồ, mương quanh dự án

*\* Hệ thống thoát nước:*

- Đối với các khu vực dự kiến phát triển, xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước bản sinh hoạt.

- Các tuyến cống chính sẽ bố trí dựa theo địa hình để đảm bảo thu nước tốt, không để nước tràn qua các khu xây dựng.

- Nước mưa được thu gom trên các tuyến cống ở đường phố sau đó thoát ra khu vực suối hiện hữu.

- Đối với các tuyến giao thông giáp những khu vực núi cao, bố trí hệ thống mương hở ở chân taluy thu nước trên sườn núi để tránh nước mưa tràn qua mặt đường sau đó thoát ra suối hiện trạng.

- Toàn bộ dự án được chia thành nhiều lưu vực với hướng thoát nước chủ yếu ra hệ thống suối Nà Tát, ao hồ trong khu vực.

*\* Công tác khác nhằm giảm thiểu tai biến thiên nhiên:*

- Nạo vét định kỳ các trục tiêu thoát chính trước mùa lũ; Kè và tạo hành lang bảo vệ trục tiêu (đoạn đi qua khu vực xây dựng mật độ cao)

- Cảnh báo các khu vực, hạn chế xây dựng:

+ Khu vực ven các suối: Hạn chế xây dựng, tránh hiện tượng lũ quét, sạt lở.

+ Cao độ nền xây dựng đảm bảo lớn hơn cao độ mực nước lũ lớn nhất 0,5m:  $H_{xd} > H_{max} (\nabla H_{min} \geq 0,5m)$ .

+ Dự kiến một số khu vực có thể trú, tránh bão lũ tạm thời hoặc tới định cư khi có sự cố thiên tai xảy ra, kịp thời ổn định đời sống cho các hộ dân cư.

+ Các công trình xây dựng cần lưu ý điều kiện địa chấn để có giải pháp kết cấu an toàn, hợp lý.

- Tăng cường phát triển rừng phòng hộ, hạn chế các nguy cơ về tai biến: hạn hán, cháy rừng, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra.

- Nâng cao nhận thức của bà con dân tộc về việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn môi trường sinh thái. Hạn chế du canh, du cư tự phát.

### **7.4. Quy hoạch cấp điện**

- Nguồn cấp: Lấy tuyến điện 35KV xuất tuyến từ trạm 110KV của khu vực.

+ Lưới 35kV: Vẫn sử dụng tuyến điện 35KV xuất tuyến từ trạm 110KV cho khu vực nghiên cứu, nhưng do khoảng cách truyền tải tương đối xa sẽ nâng tiết diện dây từ AC-95 lên AC-120 để giảm tổn thất và cung cấp điện tin cậy hơn. Các trạm

mới xây dựng sẽ đấu nối trực tiếp từ tuyến chính tại các vị trí cột thuận lợi, tất cả đi dây AC-70. Lưới 35kV mới vẫn chạy theo hình tia.

+ Lưới hạ áp 0,4kV: Mạng lưới hạ áp mới xây dựng sẽ được đi cáp nối AV, tiết diện đảm bảo: từ 4xAV-70÷4xAV-120. Đề nghị người dân thay thế ngay đường dây hạ thế từ công tơ vào nhà để đảm bảo an toàn điện.

- Trạm biến áp: bố trí các trạm biến áp theo kiểu kiosk, hợp bộ để cấp điện cho các phụ tải. Vị trí các trạm biến áp được lựa chọn sao cho gần trung tâm phụ tải dùng điện với bán kính phục vụ không quá lớn (nhỏ hơn 300m) để đảm bảo tổn thất điện áp nằm trong giới hạn cho phép và gần đường giao thông để thuận tiện cho việc thi công. Vị trí, công suất trạm biến áp trong bản vẽ chỉ là định hướng, việc xác định cụ thể sẽ được thực hiện ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

### **7.5. Quy hoạch cấp nước**

- Nguồn cấp nước: Hiện nay nguồn nước cấp phục vụ dân cư trong xã được lấy từ các con suối tự nhiên chảy qua các đường ống đến các hộ dân. Định hướng giai đoạn mới cần xây dựng các trạm cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn dự kiến tại thôn Còn Kéo cung cấp cho người dân.

- Mạng lưới đường ống cấp nước:

+ Mạng lưới đường ống phân phối và dịch vụ được thiết kế theo nguyên tắc là mạng vòng kết hợp mạng cụt. Các công trình được cấp nước trực tiếp từ mạng dịch vụ.

+ Các tuyến ống phân phối có kích thước D160mm được xây dựng dọc theo đường chính khu dân cư. Các tuyến ống này được bao trùm toàn bộ các công trình có nhu cầu dùng nước lớn đảm bảo cung cấp nước an toàn và ổn định cho khu vực khu đất.

+ Dùng ống HDPE để cấp nước cho khu vực nghiên cứu.

+ Đường ống được chôn sâu dưới mặt đất tối thiểu 0,5m và đối với ống qua đường xe chạy tối thiểu 0,7m.

### **7.6. Quy hoạch thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang**

a. Quy hoạch thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải chung với hệ thống thoát nước mưa

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các công trình công cộng (sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ bằng các bể tự hoại) được xả vào hệ thống thoát nước thải của dự án. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các khu dân cư sống phân tán, rải rác, vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh theo hình thức tự thấm, xí dội nước và xí 2 ngăn hợp vệ sinh.

- Đối với các hộ gia đình có chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại. Cặn lắng sau bể Biogas được xử lý đạt tiêu chuẩn tại hộ gia đình trước khi thoát vào hệ thống thoát nước bên ngoài..

b. Quy hoạch quản lý chất thải rắn



- Giai đoạn đến năm 2030 là 1,0 kg/người.ngày đêm; chỉ tiêu thu gom 100%.  
Tổng lượng CTR: 8,06 tấn/ngày.

- Thành lập đội vệ sinh môi trường thu gom CTR.

- Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các thôn được bố trí trong bán kính không quá 100m, trang bị các thùng đựng CTR công cộng loại 0,5 m<sup>3</sup> và xe đẩy tay cho các thôn để thu gom và vận chuyển CTR từ các điểm tập kết đến điểm trung chuyển.

c. Nghĩa trang

- Giai đoạn đến năm 2030: chỉ tiêu 0,06ha/1000 người. Tổng nhu cầu đất nghĩa trang là: 0,37 ha.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ban hành Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc giai đoạn 2021-2030 kèm theo Quyết định này.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan cập nhật các nội dung quy hoạch chi tiết đã phê duyệt vào quy hoạch sử dụng đất và các đồ án quy hoạch có liên quan.

3. UBND xã Bảo Lâm tổ chức công bố công khai Đồ án điều chỉnh quy hoạch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đồ án được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Chủ tịch UBND xã Bảo Lâm; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (B/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng ĐPXDNTM huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- UBND xã Thụy Hùng;
- Công ty CP Tư vấn XD và QH đô thị;
- C, PCVP;
- Lưu: VT, KT&HT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Mạnh Cường**